

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao 07 chỉ tiêu liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện trong năm 2024**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 – 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao 07 chỉ tiêu liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh trong năm 2024;*

*Căn cứ Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân*

*huyện về Cải cách hành chính huyện Tuy Phước năm 2024;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số 11/TTr-VPUBND ngày 31 tháng 01 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao 07 chỉ tiêu liên quan đến “Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến” (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022) trên địa bàn huyện trong năm 2024 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng ĐKDD huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nếu không hoàn thành chỉ tiêu được giao.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên theo dõi, quản lý, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện định kỳ hằng tháng; công khai tình hình, kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng ĐKDD huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thuế khu vực TP-VC;
- Bưu điện khu vực TP-VC;
- Công/Trang TTĐT huyện/xã, thị trấn;
- Bộ phận Một cửa huyện;
- LĐVP; CVVP K4;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**

**Phụ lục**  
**Giao 07 chỉ tiêu liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ người dân,**  
**doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến**  
**trên địa bàn huyện trong năm 2024**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND*  
*ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện)*

STT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa	Tỷ lệ cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ TTHC cung cấp thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>							
1	Chi nhánh Văn phòng ĐKDD	60%	60%	95%	60%	100%	100%	100%
2	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	70%	55%	95%	60%	100%	100%	100%
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	100%	100%	95%	60%	100%	100%	100%
4	Phòng Lao động – TB&XH	90%	-	95%	60%	100%	100%	-
5	Phòng Nội vụ	90%	-	95%	60%	100%	100%	-
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	90%	70%	95%	60%	100%	100%	100%
7	Phòng Tài chính – Kế hoạch	100%	90%	95%	60%	100%	100%	100%
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	80%	60%	95%	60%	100%	100%	100%
9	Phòng Tư pháp	100%	100%	95%	60%	100%	100%	100%
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	100%	100%	95%	60%	100%	100%	100%
11	Phòng Y tế	100%	100%	95%	60%	100%	100%	100%
<b>II</b>	<b>CẤP XÃ</b>							

STT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTTC	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa	Tỷ lệ cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ TTTC cung cấp thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	UBND xã Phước An	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
2	UBND xã Phước Thành	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
3	UBND xã Phước Lộc	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
4	UBND xã Phước Nghĩa	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
5	UBND xã Phước Thuận	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
6	UBND xã Phước Sơn	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
7	UBND xã Phước Hiệp	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
8	UBND xã Phước Hòa	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
9	UBND xã Phước Hưng	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
10	UBND xã Phước Quang	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
11	UBND xã Phước Thắng	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
12	UBND thị trấn Diêu Trì	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%
13	UBND thị trấn Tuy Phước	60%	70%	95%	70 %	100%	100%	100%

\* **Ghi chú:**

(-) Các cơ quan không có thủ tục hành chính phải thu phí, lệ phí./.